

*Châu Thành, ngày 09 tháng 12 năm 2020.*

Số: 413/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 582/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

1. Anh Huỳnh Văn T, sinh năm: 1972;  
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
2. Chị Lê Thị H, sinh năm: 1978;  
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị H trình bày:

Vợ chồng anh T, chị H cưới và chung sống với nhau hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau nên hay cãi vã, bất đồng nhưng vẫn còn dung hòa được. Đến khoảng 02 năm gần đây mâu thuẫn ngày càng nhiều và trầm trọng, không có tiếng nói chung. Khi xảy ra mâu thuẫn anh T, chị H đã tìm cách tháo gỡ, gia đình hai biết việc anh chị bất hòa và tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh T, chị H ly thân từ tháng 10/2019 đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống. Anh chị nhận thấy khả năng không thể tháo gỡ mâu thuẫn, không thể hòa hợp được, tình hình càng lúc càng xấu đi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng của vợ chồng anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T, chị H là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: anh T, chị H có 02 con chung là Huỳnh Minh N, sinh ngày 13/7/2000 và Huỳnh Lê Yến N, sinh ngày 17/9/2004. Huỳnh Minh N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Huỳnh Lê Yến N hiện nay đang sống với chị H. Khi ly hôn anh chị thống nhất chị H được tiếp tục nuôi cháu N, phù hợp với nguyên

vọng của cháu N. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T, chị H không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị H thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: anh Huỳnh Văn T đồng ý cho chị Lê Thị H được tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Lê Yến N, sinh ngày 17/9/2004. Huỳnh Minh N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận chị Lê Thị H không yêu cầu anh Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T và chị H không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

**2.** Về lệ phí Tòa án: chị Lê Thị H đồng ý chịu toàn bộ lệ phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số: 0004657 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Bến Tre.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

#### **THẨM PHÁN**

**Lê Thị Minh Trung**